

DANH SÁCH CỬU TỬ - NHÂN CHÍNH - TRỊ CÔNG - SẢN VIỆT - NAM TẠI SECTION "O"  
PANAT NIKHOM, CHONBURI 20140 THAILAND (Danh sách Bà tước 67 người)

| STT | Họ và Tên<br>Số quân<br>cấp Bậc                                                 | Năm Sinh | Họ Tên Cha - Năm sinh<br>Họ Tên MẸ - Năm sinh                 | Tên của những người cùng<br>đi và năm sinh                                                                     | Liên hệ<br>Gia đình       | Ngày đến<br>THAILAND | Địa - chỉ <sup>2</sup>                                                                        |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | CHU - MANH - BÍCH<br>Sq: 65/600.679<br>Đại - úy                                 | 1945     | Chu minh KÍNH - 1946 (chết)<br>Đinh Thị NGUYỆT (chết)         | Phan Thị Ngọc OANH - 1943<br>Chu minh Phường THẢO - 1971<br>Chu minh ĐỨC - 1972<br>Chu minh Buijnh CHI - 1973  | Vợ<br>con<br>con<br>con   | 27.3.1989            | BT. 8296, House 3C37, P.O.Box 18, Panat<br>Nikhom, Chonburi 20.140 - THAILAND.<br>SECTION "O" |
| 2   | LÃNG - TÂN - HUỆ<br>Sq: 63/139.982<br>Đại úy                                    | 1943     | Lãng thị NGUYỆT - 1917 (chết)<br>Xê thị ĐIỂM - 1918 (chết)    | /                                                                                                              | /                         | 2.4.1989             | BT. 3161, House 3C20                                                                          |
| 3   | ĐOÀN - ĐÌNH - Y<br>Sq: 59/164877<br>Đại úy                                      | 1939     | Đoàn đình ĐỆ - 1902 (chết)<br>Sao Mươn - 1910 (chết)          | /                                                                                                              | /                         | 6.4.1989             | BT. 3520, House 3C1                                                                           |
| 4   | NGUYỄN - VĂN - CHIẾN<br>Sq: 66/167848<br>Đại - úy                               | 1946     | Nguyễn văn CHẤT - 1911 (sống)<br>Trần thị CHĂNG - 1923 (sống) | Huỳnh thị VIỄN - 1959.<br>Ng. Thị Thanh. CHI - 1983<br>Ng. Thị Thanh - VY - 1987<br>Ng. Thị Thanh - LAN - 1990 | Vợ<br>con<br>con<br>con.  | 18/3/1989            | BT. 3099, House 3C12                                                                          |
| 5   | BUI - CẢNH - KIÊM<br>Sq: 60A/139.033<br>Đại - úy                                | 1940     | Bui Hữu Loan - 1908 (chết)<br>Nguyễn thị TRÚC - 1905 (sống)   | Bui cảnh PHONG - 1969<br>Lương ngọc BÌNH - 1966                                                                | Cháu Rớt<br>Cháu Rớt      | 19/4/1989            | BT. 3725, House 3C10<br>BT 3726 (Cháu rớt như vậy (Chai Form.))                               |
| 6   | LÊ - TÂN - HÓN<br>Sq: 63/124.379<br>Trung - úy                                  | 1943     | Lê Tân Hậu - 1909 (chết)<br>Đặng thị KIỀU - 1911 (sống)       | /                                                                                                              | /                         | 17.3.1989            | BT. 3384, House 3C30                                                                          |
| 7   | HÀ - VĂN - DƯƠNG<br>Sq: 67/805.694<br>Trung úy                                  | 1947     | Hà văn BÊN - 1910 (chết)<br>Hà thị Lớn - 1922 (chết)          | /                                                                                                              | /                         | 17.4.1989            | BT. 3553, House 3C30                                                                          |
| 8   | ĐẶNG - VŨ - GIANG<br>Sq: 64/601.736<br>Trung úy                                 | 1944     | Đặng vũ LUY (chết)<br>Đào thị BÁC - 1923 (sống)               | Đặng vũ LINH - 1974                                                                                            | con                       | 18.3.1989            | BT. 3090, House 3C10                                                                          |
| 9   | NGUYỄN - PHƯỚC - THẢO<br>DC: 73457<br>Trung úy Cảnh Sát                         | 1938     | Nguyễn văn GIÁC - 1890 (chết)<br>Nguyễn thị ĐÀO - 1896 (chết) | /                                                                                                              | /                         | 19.4.1989            | BT. 3700, House 3C24                                                                          |
| 10  | Văn Văn ĐẶNG<br>Số ngạch Cảnh Sát: 3131<br>Trung úy Cảnh Sát<br>BCH/CS/KH/CĐTH8 | 1923     | Văn Thừa TẤT - 1890 (chết)<br>Nguyễn thị SỬU - 1902 (chết)    | Văn thị Thủy NGA - 1959<br>Ng. Văn - MINH - 1960<br>Ng. Xuân - THIÊN - 1987                                    | Con gái<br>con rể<br>cháu | 19.5.1989<br>-       | BT. 3695, House 3C16<br>BT. 3646. (Cháu con như vậy (Chai Form).)                             |

| STT | Họ và Tên<br>Số quân<br>cấp bậc                                                                                            | Năm<br>sinh | Họ tên cha và năm sinh<br>Họ tên Mẹ và năm sinh             | Tên của người cùng đi<br>và năm sinh                                                                                                                                      | Liên hệ<br>Gia đình                          | Ngày đến<br>Thái Lan       | Địa chỉ                                       |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------|
| 11  | ĐỖ - VĂN - HIỆP<br>sq= 70/124. 708<br>Trung úy                                                                             | 1950        | Đỗ Văn Nhân - 1919 (sống)<br>Đỗ Thị Nhân - 1922 (sống)      | Nguyễn Thị Bích Lan - 1956<br>Đỗ Anh MINH - 1975<br>Đỗ Minh HOÀNG - 1979<br>Đỗ Long GIANG - 1981<br>Đỗ Thị Bích LÂN - 1983<br>Đỗ Tuấn Dũng - 1985<br>Đỗ Hoàng Thái - 1990 | Vợ<br>con<br>con<br>con<br>con<br>con<br>con | 28-3-1989                  | BT. 3262, House 3C18                          |
| 12  | VŨ - TRI - THUỐC<br>chuyên viên nghiên cứu<br>chứng trình Phát Triển<br>Quốc Gia Thuộc Tra Đại<br>Sứ Hoa Kỳ ở VN<br>(NDRP) | 1926        | Vũ Thanh NINH - 1899 (chết)<br>Nguyễn Thị ẤP - 1899 (chết)  | Vũ Trí Tiên - 1959<br>Vũ Thắng Cường - 1949<br>Vũ Thế Mạnh - 1951<br>Vũ Thắng Đức - 1975                                                                                  | con<br>con<br>con<br>cháu nội                | 28.3.1989<br>Tháng 12.1989 | BT. 3265, House 3C22<br>BT. 50.228 (khác BT.) |
| 13  | ĐỖ - NGỌC - TOÀN<br>sq= 69/502 940<br>Chiếu úy                                                                             | 1949        | Đỗ Đình Cảnh - 1914 (chết)<br>Nguyễn Thị Diêu - 1917 (sống) | -                                                                                                                                                                         | -                                            | 14-4-1989                  | BT. 3467, House 3C32                          |
| 14  | NGUYỄN - BÌNH - MINH<br>75/214. 831<br>chuyên úy                                                                           | 1955        | Nguyễn Loát - 1923<br>Dương Thị GÁY - 1926                  | Vũ Thị Bảo HÂN - 1962                                                                                                                                                     | Vợ                                           | 9-4-1989                   | BT. 3257, House 3C16                          |
| 15  | LÊ - VĂN - VÂN<br>sq= 58/148. 816<br>Trung úy                                                                              | 1938        | Lê Văn THẾ - 1914 (sống)<br>Nguyễn Thị Ngân - 1916 (chết)   | Lê Thảo Ngọc TRÁC - 1971                                                                                                                                                  | con                                          | 19-4-1989                  | BT. 3428, House 3C9                           |
| 16  | TRẦN - QUANG - TUYẾN<br>sq= 68/141 211<br>Chiếu úy                                                                         | 1948        | Trần Inh - 1920 (chết)<br>Phạm Thị Nhũn - 1928 (sống)       | -                                                                                                                                                                         | -                                            | 14-4-1989                  | BT. 3465, House 3C32                          |

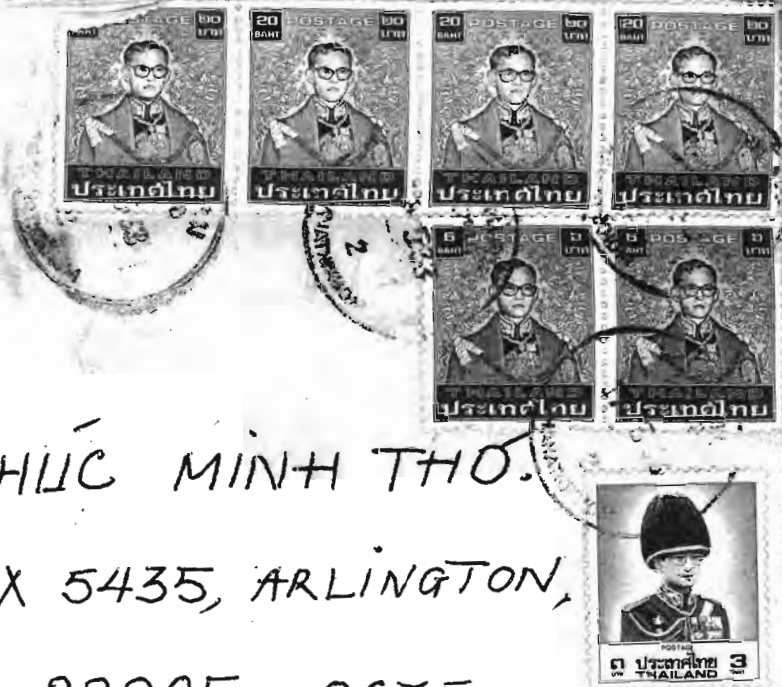
Đã đưa ra và người đi  
Tết đã ra và người đi  
Đã đưa ra và người đi  
Đã đưa ra và người đi

16 anh em hỏi viên Trại đã được thông báo và chuyển qua khu "D"  
ngươi trại cũ. Kịch chuyển xin Bộ Tài Hộ số 1  
Đại diện chi hội TNC Trại Pháo tại Bithon  
Section 8  
Nguyễn Văn  
Chau Văn Trại

JUN 0 5 1990

TO. BÀ KHUẾ MINH THO.  
P.O. BOX 5435, ARLINGTON,  
VA. 22205 - 0635,  
U.S.A

R  
พนัสนิคม  
PHANAT NIKHOM  
0993



From: CHU VAN TIEN . PST . 922 . H . 2D23 SECTION 'S'

PHANAT NIKHOM P.O. BOX . 18 - CHOLBURY 20140

THAILAND

REGISTERED

REGISTERED